

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2020/HS-ST
Ngày 30-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Ngát

Bà Vũ Thị Quỳ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 67/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Đồng Văn T (tên gọi khác: T1), sinh ngày 02/6/1996 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn N 2, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đồng Văn K1, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1974; chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 20/2020/HSST ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân quận KA, thành phố Hải Phòng xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bản án số 36/2020/HSST ngày 24/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, bị cáo đang kháng cáo chưa xét xử phúc thẩm; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/6/2020, chuyển tạm giam từ ngày 02/7/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị Phương T1, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng: Anh Nguyễn Hoàng A; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 14 giờ ngày 11/6/2020, Nguyễn Phú C rủ Đồng Văn T đi cướp giật tài sản lấy tiền chi tiêu, T đồng ý. Sau đó T điều khiển xe mô tô Yamaha Exciter không rõ biển kiểm soát chở C đến khu vực thôn B3, xã A1, huyện A cướp giật 01 sợi dây chuyền vàng của chị Nguyễn Thị Hòa, trú tại thôn B3, xã A1, huyện A, rồi tiếp tục chở C đi sang huyện K. Khi đến khu vực thôn L, xã Đ thì phát hiện thấy chị Nguyễn Thị Phương T1 đang đi xe mô tô cùng chiều, trên cổ đeo 01 sợi dây chuyền vàng. C bảo T điều khiển xe mô tô đi song song cùng chiều, áp sát vào xe mô tô chị T1 đang điều khiển để C dùng tay phải giật lấy sợi dây chuyền vàng của chị T1. Sau khi cướp giật được tài sản, T và C đến hiệu vàng H ở quận KA bán sợi dây chuyền được 4.260.000 đồng, cùng nhau chi tiêu hết. Ngày 25/6/2020, T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện A tự thú và bị bắt giữ, còn Nguyễn Phú C bỏ trốn. Ngày 15/7/2020 chị T1 có đơn trình báo Công an huyện K giải quyết.

Tài sản của chị T1 bị T, C cướp giật là 01 sợi dây chuyền vàng 03 chỉ gồm cả mặt dây chuyền bằng vàng tây đính đá, được Hội đồng định giá tài sản kết luận giá trị là 8.700.000 đồng, không thu hồi được.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu.

Tại bản Cáo trạng số 62/CT-VKSKT ngày 30/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo Đồng Văn T về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận tội: Khoảng 14 giờ ngày 11/6/2020, C rủ T đi cướp giật tài sản lấy tiền chi tiêu, T đồng ý. Sau đó T điều khiển xe mô tô chở C đi đến khu vực thôn B3, xã A1, huyện A cướp giật 01 sợi dây chuyền vàng của chị Nguyễn Thị Hòa, rồi tiếp tục chở C đi sang huyện K. Khi đến khu vực thôn L, xã Đ thì phát hiện thấy chị T1 đang đi xe mô tô cùng chiều, trên cổ đeo 01 sợi dây chuyền vàng. C bảo T áp sát vào xe mô tô chị T1 đang điều khiển, để C giật lấy sợi dây chuyền vàng của chị T1. Sau khi cướp giật được tài sản, T và C đến hiệu vàng ở quận KA bán sợi dây chuyền vàng được 4.260.000 đồng, cùng nhau chi tiêu hết. Đến ngày 25/6/2020 T đến Công an huyện A tự thú, bị bắt giữ và đã bị Tòa án nhân dân huyện A xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” tại Bản án số 36/2020/HS-ST ngày 24/11/2020, bị cáo đang kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, chưa xét xử phúc thẩm.

Tại cơ quan điều tra, chị Nguyễn Thị Phương T1 khai: Chiều ngày 11/6/2020, khi chị đang điều khiển xe mô tô trên đường về nhà thì bị 02 thanh niên lạ (sau này

chị biết tên C và T) đi xe mô tô cùng chiều, áp sát xe mô tô của chị vào lề đường bên phải và cướp giật 01 sợi dây chuyền vàng của chị đang đeo trên cổ rồi bỏ chạy, chị không bị ngã xe cũng không bị thương tích gì. Ngày 15/7/2020 chị đã có đơn trình báo Công an huyện K. Chị yêu cầu bị cáo và C bồi thường giá trị tài sản là 8.700.000 đồng. Tại phiên tòa chị có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử bị cáo theo quy định pháp luật.

Sau quá trình thẩm vấn, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò và đặc điểm nhân thân của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K trình bày lời luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và xử lý vật chứng như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Đồng Văn T mức án từ 06 năm đến 07 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động tự do, thu nhập kinh tế hàng tháng ổn định từ 6.000.000 đồng – 7.000.000 đồng; cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo từ 10.000.000 đồng – 20.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo nhận bồi thường toàn bộ thiệt hại cho chị Nguyễn Thị Phương T1 giá trị 01 sợi dây chuyền vàng 03 chỉ gồm cả mặt dây chuyền bằng vàng tây đính đá là số tiền 8.700.000 đồng được chấp nhận.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, bị cáo thành khẩn khai nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với kết luận định giá tài sản, biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 11/6/2020, Đồng Văn T và Nguyễn Phú C đã có hành vi điều khiển xe mô tô (là thủ đoạn nguy hiểm) áp sát vào xe mô tô do chị Nguyễn Thị Phương T1 đang điều khiển trên đường để cướp giật 01 sợi dây chuyền vàng trên cổ chị T1 trị giá 8.700.000 đồng rồi bỏ chạy. Như vậy, hành vi của Đồng Văn T đã thỏa mãn cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Cần xử phạt nghiêm đối với bị cáo, đồng thời để phòng ngừa tội phạm.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; tự thú. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân: Tại bản án số 20/2020/HSST ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân quận KA xử phạt bị cáo T 09 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, trong thời gian bị cáo được tại ngoại thì lại thực hiện hành vi phạm tội ngày 11/6/2020; ngoài lần phạm tội này, bị cáo còn thực hiện hành vi cướp giật tài sản ở huyện A, đã bị Tòa án nhân dân huyện A xét xử và xử phạt 07 năm tù tại Bản án số 36/2020/HSST ngày 24/11/2020, bị cáo đang kháng cáo nên không xác định là tái phạm và tổng hợp hình phạt tại bản án này. Như vậy, có thể thấy bị cáo rất coi thường pháp luật, nhân thân xấu, cần xử phạt nghiêm đối với bị cáo và cần thiết bắt bị cáo cách ly xã hội một thời gian dài để cải tạo giáo dục trở thành công dân tốt.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có thu nhập kinh tế ổn định hàng tháng từ 6.000.000 đồng – 7.000.000 đồng, tại phiên tòa Viện kiểm sát đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có cơ sở chấp nhận. Cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo 10.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

[8] Về trách nhiệm dân sự: 01 sợi dây chuyền vàng 03 chỉ gồm cả mặt dây chuyền bằng vàng tây đính đá giá trị 8.700.000 đồng của chị Nguyễn Thị Phương T1 mà bị cáo và Nguyễn Phú C đã chiếm đoạt không thu hồi được. Nay bị hại yêu cầu bị cáo và C phải có trách nhiệm bồi thường. Hiện nay C bỏ trốn, Cơ quan điều

tra Công an huyện K đã tạm đình chỉ vụ án, bị can, tách ra khi nào bắt được C sẽ xử lý sau. Tại phiên tòa, bị cáo T nhận bồi thường toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của chị T1. Do vậy, buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường giá trị tài sản là 8.700.000 đồng cho chị T1.

[9] Trong vụ án này, Nguyễn Phú C là đồng phạm cùng bị cáo thực hiện hành vi cướp giật tài sản của chị Nguyễn Thị Phương T1. Tuy nhiên, sau khi phạm tội C đã bỏ trốn nên Cơ quan điều tra Công an huyện K đã ra quyết định truy nã số 16 ngày 16/11/2020 đối với C và tạm đình chỉ điều tra vụ án, bị can, tách ra khi nào bắt được C sẽ xử lý sau là có căn cứ. Đối với Nguyễn Hoàng A là chủ cửa hàng vàng Hợp Thủy mua 01 sợi dây chuyền vàng tây của bị cáo T và Nguyễn Phú C nhưng không biết tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Đồng Văn T (tên gọi khác: T1) 07 (bảy) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 26/6/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự; Buộc bị cáo T phải bồi thường thiệt hại cho chị Nguyễn Thị Phương T1 số tiền là 8.700.000đ (tám triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 171 của Bộ luật Hình sự: Phạt tiền bị cáo T 10.000.000đ (mười triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của chị T1 mà bị cáo chưa thi hành xong số tiền nộp phạt và bồi thường thiệt hại thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 435.000đ (bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K + PV 06;
- Trại giam HP;
- THA phạt tù + PC 10;
- Chi cục THADS + Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thanh Huyền